TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 33/2024/HNGĐ - ST
Ngày 30 – 8 - 2024.
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L – TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Tạ Thị Hồng Ngân.**

Các Hội thẩm nhân dân: **1.** Ông **Hà Thanh Phong.**

2. Ông **Trần Gia Phượng.**

Thư ký phiên tòa: Bà **Đỗ Hoàng Diệp -** Thư ký Tòa án nhân dân huyện L

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Tri** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở TAND huyện L tỉnh Phú Thọ, TAND huyện L mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án Dân sự thụ lý số 172/2024/TLST - HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2024 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29B/2024/QĐXX-ST ngày 22/7/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2024/QĐST - HNGĐ ngày 09/8/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Chử Thị N, sinh năm 1976 (Vắng mặt, có Đơn xin xét xử vắng mặt).

ĐKHKTT: Khu 1, xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ.

Chỗ ở hiện nay: Khu 12, xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh Chử Văn Vĩnh, sinh năm 1977 (Vắng mặt).

ĐKHKTT: Khu 1, xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, Bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án chị Chử Thị N trình bày: Chị và anh Chử Văn Vđăng ký kết hôn ngày 24/10/2003 tại

UBND xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn, hai bên tự nguyện tìm hiểu. Sau khi kết hôn vợ chồng sống riêng tại Khu 1, xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do anh Vthường xuyên uống rượu, đánh chửi chị và các con (đã có 02 lần anh V đánh chị N phải vào viện, lần gần nhất là tháng 4/2024, chị N phải nhập viện 01 tuần). Sau đó chị N chuyển ra khỏi nhà và thuê nhà ở tại khu 12, xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị N nhận thấy đã nhiều năm anh Vkhông thay đổi được, tình cảm vợ chồng không còn nên chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vĩnh.

Về con chung: Chị N xác nhận vợ chồng có 03 con chung là: Chử Thị T2, sinh ngày 27/02/2004, Chử Thị T1, sinh ngày 22/9/2006 và Chử Đức L1, sinh ngày 16/11/2018. Khi vợ chồng ly thân chị có đưa cháu T1 đi ở cùng chị, Cháu L1 ở cùng anh Vdo anh Vkhông cho chị đưa cháu đi. Cháu T2 hiện đã thành niên và đã xây dựng gia đình riêng.

Nếu ly hôn chị xin được nuôi cháu T1 và cháu L1, không yêu cầu anh Vphải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Tuy nhiên, nếu anh Vkiên quyết xin nuôi cháu L1 thì chị cũng nhất trí.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về công sức: Không có.

**** Tại Biên bản lấy lời khai anh Chử Văn V trình bày:*** Anh xác nhận thời gian kết hôn, quá trình chung sống và thời gian vợ chồng mâu thuẫn như chị N trình bày. Theo anh giữa vợ chồng đôi lúc có mâu thuẫn, có lúc xô xát anh có đánh chị N do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Từ tháng 4/2024 chị N chuyển ra khỏi nhà, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị N xin ly hôn anh không đồng ý nhưng nếu chị N kiên quyết thì anh cũng nhất trí.

Về con chung: Anh Vxác nhận vợ chồng có 03 con chung như chị N trình bày. Hiện nay cháu T2 đã thành niên và có gia đình riêng nên không đề nghị giải quyết. Đối với cháu T1 và cháu L1 nếu ly hôn anh xin nuôi cháu L1, còn cháu T2 do hiện đã lớn nên cháu quyết định ở với ai anh cũng đồng ý. Anh Vkhông yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Vkhông đề nghị Tòa án giải quyết.

Về công sức: Không có.

Sau khi Tòa án tiến hành lấy lời khai trước sự chứng kiến của đại diện chính quyền địa phương, anh Vkhông ký vào biên bản lấy lời khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Chị Chử Thị N có yêu cầu xin ly hôn với anh Chử Văn Vvà đề nghị Tòa án giải quyết về con chung khi ly hôn nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn hiện đang cư trú xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ nên căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L.

- Quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn không thay đổi, bổ sung, rút yêu cầu khởi kiện. Bị đơn không có yêu cầu phản tố nên Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết vụ án trong phạm vi yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

- Về sự vắng mặt của các đương sự: Chị N và anh Vđều có quan điểm xin giải quyết vắng mặt. Do đó căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị N và anh Vĩnh.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Chử Thị N và anh Chử Văn Vkết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ phù hợp với Luật hôn nhân gia đình Việt Nam. Theo chị N trình bày thì vợ chồng mâu thuẫn là do anh Vthường xuyên uống rượu, đánh chửi chị N và có lúc đánh các con. Đã nhiều lần anh Vđánh chị khiến chị phải nhập viện. Tháng 4/2024 anh Vtiếp tục đánh chị và chị phải điều trị tại bệnh viện 01 tuần. Sau đó chị thuê nhà tại khu 12, xã T, huyện L ở. Vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Về phía anh Vcũng thừa nhận trong quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn và có lúc cũng xô xát anh có đánh chị N do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Quá trình giải quyết vụ án, do anh Vkhông có mặt tại Tòa án nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được giữa các đương sự. Tuy nhiên, Tòa án cũng đã phân tích cho anh chị biết về hậu quả của việc ly hôn và đề nghị anh chị về đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con chung nhưng chị N kiên quyết xin được ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn, anh Vcũng đồng ý nếu chị N giữ nguyên quan điểm, hiện vợ chồng đang sống ly thân và không còn quan tâm gì đến nhau, không còn quan hệ về mặt tình cảm. Phía đại diện khu dân cư và chính quyền địa phương cũng xác nhận chị N và anh Vcó mâu thuẫn, anh Vcũng đã vài lần đánh chị N phải nhập viện điều trị và hiện anh chị đang sống ly thân. Như vậy, có thể khẳng định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh Vđã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do

đó, cần xử cho chị N được ly hôn với anh Vlà phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị N và anh Vđều xác nhận là vợ chồng có 03 con chung là Chử Thị T2, sinh ngày 27/02/2004, Chử Thị T1, sinh ngày 22/9/2006 và Chử Đức L1, sinh ngày 16/11/2018. Quá trình giải quyết vụ án, chị N xin nuôi cháu T1 và cháu L1. Anh Vxin nuôi cháu L1. Đối với cháu T2 do hiện nay đã thành nên và có gia đình riêng nên không đề nghị giải quyết. Xét thấy nguyện vọng xin nuôi con chung của cả hai anh chị đều chính đáng và phù hợp với pháp luật vì hiện cả hai anh chị đều có điều kiện để nuôi con. Phía chị N có quan điểm nếu anh Vkiên quyết xin nuôi cháu L1 thì chị cũng đồng ý. Anh Vcũng trình bày do hiện nay cháu T1 đã lớn nên nếu cháu muốn ở cùng ai thì anh cũng nhất trí. Tại Bản tự khai cháu T1 cũng có nguyện vọng xin được ở với mẹ nếu bố mẹ ly hôn. Do đó, cần giao cháu Chử Thị T1 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu L1 choa nh Vtrực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của anh chị và của con chung đồng thời cũng phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với cháu Chử Thị T2 do hiện nay cháu T2 đã thành niên và có gia đình riêng nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình giải quyết vụ án chị N và anh Vđều có quan điểm nếu được giao nuôi con thì không yêu cầu người còn lại phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Xét thấy đây là sự tự nguyện của các đương sự và phù hợp với pháp luật nên cần chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình giải quyết cả chị N và anh Vđều không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra vấn đề giải quyết.

Về công sức: Quá trình giải quyết cả chị N và anh Vđều xác nhận không có nên HĐXX không đặt ra vấn đề giải quyết.

[3] Tại phiên tòa hôm nay Kiểm sát viên có quan điểm: Vụ án thụ lý đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Chử Thị N được ly hôn với anh Vĩnh.

Về con chung: Giao cho chị Chử Thị N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là Chử Thị T1, sinh ngày 22/9/2006. Giao cho anh Chử Văn Vđược trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là Chử Đức L1, sinh ngày 16/11/2018. Không ai phải cấp dưỡng nuôi chung cùng ai.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về công sức: Không có.

[4] Về án phí: Chị Chử Thị N phải chịu tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 51, 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý vả sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xử: Cho ly hôn đối với chị Chử Thị N ly và anh Chử Văn V.

Về nuôi con chung: Giao cho chị Chử Thị N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là Chử Thị T1, sinh ngày 22/9/2006. Giao cho anh Chử Văn Vđược trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là Chử Đức L1, sinh ngày 16/11/2018.

Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng ai.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về công sức: Không có.

Về án phí: Chị Chử Thị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001702 ngày 17/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Phú Thọ. Chị N đã nộp đủ tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Chị Chử Thị N và anh Chử Văn Vvắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKS ND tỉnh, huyện;
- THADS huyện L;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
(ĐKKH năm 2003)
- Lưu: HS- VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Tạ Thị Hồng Ngân